

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-PT

Ngày 08/4/2022.

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: ông Đinh Huy Lưỡng;
ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Hữu Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 38/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 307/TB-TA ngày 01/3/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 393/TB-TA ngày 14/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐPT-DS ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985 và anh Dương Thế Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số nhà 122, đường Đ, tổ 18, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: ông Đặng Văn D, Luật sư văn phòng luật sư Đặng D và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số 150, đường L, phố V, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 76, tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

3. Người kháng cáo: anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B.

Tại phiên tòa có mặt anh Phạm Ngọc T; chị Hoàng Thị T, anh Dương Thế Đ, ông Đặng Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T trình bày: do có mối quan hệ quen biết nên ngày 26/02/2020 vợ chồng anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B có gặp vợ chồng chị để hỏi vay tiền, vợ chồng chị nhất trí và giữa hai bên thỏa thuận vợ chồng chị cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B vay tổng số tiền là 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*), thời hạn là 01 tháng được thể hiện trong Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt từ ngày 26/02/2020 đến ngày 26/3/2020 thì anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B phải trả toàn bộ số tiền đã vay cho vợ chồng chị và hai bên cũng đã thỏa thuận lãi suất của số tiền trên theo lãi suất của Ngân hàng nhưng việc thỏa thuận này bằng miệng và không ghi vào Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt. Trong số tiền 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*), mà vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B ký nhận trong Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020, không phải anh, chị đưa tiền mặt trực tiếp mà thực tế chỉ giao cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B tiền mặt là 150.000.000đ, còn lại 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) là việc chuyển nợ từ chị Nguyễn Thị P sang cho vợ chồng chị. Đối với số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) mà vợ chồng chị giao cho chị Nguyễn Thị P để anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B ký nhận trong Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020 vay của vợ chồng chị số tiền 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*) là do trước đây anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B vay của chị Nguyễn Thị P 680.000.000đ, khi vay có để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B để bảo đảm cho số tiền vay của chị Nguyễn Thị P, nhưng do vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B không có tiền trả chị Nguyễn Thị P, nên muốn vợ chồng chị nhận số nợ này (*680.000.000đ*) đồng thời vay thêm của vợ chồng chị 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) và cầm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B mà chị Nguyễn Thị P đang giữ. Vợ chồng chị nhất trí và đã trực tiếp giao số tiền 150.000.000đ cho anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B và giao số tiền 680.000.000đ cho chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị P giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B mà chị Nguyễn Thị P đang giữ cho vợ chồng chị đồng

thời anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B viết cho vợ chồng chị Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020 vay của vợ chồng chị số tiền 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*). Trong Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B cam kết vay số tiền này trong thời gian một tháng, nếu không trả được thì anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang cho vợ chồng chị. Đến thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B không thực hiện cam kết trả nợ, mặc dù rất nhiều lần vợ chồng chị đòi nợ nhưng vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B không trả. Ngày 02/3/2021 vợ chồng chị có đơn khởi kiện anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T buộc vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số tiền gốc là 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tiền gửi kể từ ngày 27/3/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Ngày 26/5/2021 vợ chồng chị có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị tiền lãi suất trên tổng số nợ gốc với mức lãi suất 0,33%/tháng. Thời gian tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 27/3/2020 tạm tính đến hết ngày 22/9/2021 là $830.000.000đ \times 0,33\%/tháng \times 17 \text{ tháng}$ 26 ngày = 48.936.800đ (*bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng*). Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B, hiện nay vợ chồng chị đang giữ, sau khi vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B thanh toán hết số tiền gốc là 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*) và lãi tạm tính đến hết ngày 22/9/2021 là 48.936.800đ (*bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc kể từ ngày 23/9/2021 cho đến khi anh Phạm Ngọc Thạch, chị Nguyễn Thị B thanh toán xong cho vợ chồng chị thì vợ chồng chị sẽ có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố T đã triệu tập anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đến làm việc, anh Phạm Ngọc T đến làm việc nhưng không viết bản khai còn chị Nguyễn Thị B không có mặt. Tại biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/8/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày: anh thừa nhận vợ chồng anh có vay tiền của anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T tổng số tiền gốc 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*). Trong số tiền này vợ chồng anh nhận trực tiếp tiền mặt từ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) còn lại 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu**

đồng) là tiền trước đây vợ chồng anh vay của chị Nguyễn Thị P, nhà ở tổ 7, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; để bảo đảm cho khoản tiền vay vợ chồng anh có đưa cho chị Nguyễn Thị P giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vợ chồng anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T trình bày, việc đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị P giữ là do vợ chồng anh tự nguyện. Do chưa có tiền trả cho chị Nguyễn Thị P, mà vợ chồng anh lại muốn vay thêm nhưng chị Nguyễn Thị P nói là không có, nên vợ chồng anh đến gặp vợ chồng anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T, vợ chồng anh thống nhất chuyển số tiền vợ chồng anh nợ chị Nguyễn Thị P sang anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T. Cụ thể vợ chồng anh nhận nợ số tiền 680.000.000đ của anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T và anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T thay vợ chồng anh chuyển trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 680.000.000đ, ngoài ra chị Nguyễn Thị P sẽ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng anh đã đưa cho chị Nguyễn Thị P trước đây cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T giữ, sau đó vợ chồng anh ký nhận Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền với anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T tổng số tiền 830.000.000đ (*bao gồm 150.000.000đ vợ chồng anh vay trực tiếp và 680.000.000đ đồng do chị Nguyễn Thị P chuyển sang*) và không thỏa thuận lãi suất. Nay anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền nợ gốc là 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*) và mức lãi suất theo ngân hàng 0,33%/tháng kể từ ngày 27/3/2020 tạm tính đến hết ngày 22/9/2021 là 48.936.800đ (*bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi anh thanh toán xong toàn bộ nợ gốc, anh hoàn toàn nhất trí. Do điều kiện về kinh tế gia đình khó khăn nên anh chưa thanh toán số tiền gốc và lãi cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T, anh đề nghị được trả dần số nợ trên đến tháng 5/2022. Sau khi vợ chồng anh trả xong toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T thì anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B.

Tại bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng là chị Nguyễn Thị P trình bày: vào năm 2019 vợ chồng anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B có vay của chị số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) và có thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng. Sau khi thỏa thuận cùng nhau chị đã trực tiếp giao cho anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*), anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đã nhận đủ và giao cho chị giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B. Đến hạn trả nợ anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B chưa thanh toán cho chị số

tiền gốc và lãi, đồng thời nhờ chị có quen biết ai để vay số tiền này để trả nợ cho chị. Chị đã dẫn anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đến gặp anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T để hỏi vay tiền thì anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T đồng ý. Tại nhà anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T giữa chị, anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T và vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có thỏa thuận với nhau anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T sẽ trả cho chị số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) mà anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đã vay của chị trước đây, đồng thời chị giao lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T giữ. Chị đã nhận đủ số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) từ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T còn việc anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B viết giấy nhận nợ với anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T như thế nào chị không biết. Nay chị khẳng định giữa chị, vợ chồng anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T và vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B không còn liên quan gì đối với số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 357, 463, 465, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thế Đ và chị Hoàng Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B.

- Buộc anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B phải thanh toán cho anh Dương Thế Đ và chị Hoàng Thị T tổng số tiền là 878.936.800đ (*tám trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng*); trong đó tiền gốc là 830.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày 22/9/2021 là 48.936.800đ.

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Anh Dương Thế Đ và chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả cho anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD

664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B.

- Án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B phải chịu 38.368.000đ (*ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị T và anh Dương Thế Đ số tiền 19.408.000đ (*mười chín triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001474 ngày 24 tháng 3 năm 2021 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001491 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2021, anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: đây là vụ việc hình sự vì đã tính lãi 5.000đ/triệu/ngày đối với số tiền anh chị đã vay vào tháng 7 năm 2020, chị Hoàng Thị T đòi chị số tiền 1.340.000.000đ. Chị đề nghị: làm rõ tại sao tháng 7 năm 2020 chị Hoàng Thị T đòi chị phải trả ngay số tiền 1.340.000.000đ, bây giờ lại đòi trả 830.000.000đ; cho xã hội đen uy hiếp vợ chồng chị và tự ý về địa phương đơn phương yêu cầu sang tên quyền sử dụng đất của vợ chồng chị. Giải quyết làm rõ việc cô Nguyễn Thị P và cô Hoàng Thị T thông đồng nhau để nâng số tiền lên ép chị ký giấy nhận số tiền khi chị đã ủy quyền cho vợ chồng cô Hoàng Thị T xong. Giải quyết rõ tại sao trước đây đòi chị tiền và tự ý đưa cho cô Nguyễn Thị P số tiền 200.000.000đ không hề thông báo cho vợ chồng chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có bản tường trình đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T. Án phí dân sự phúc thẩm anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 06 và 07 tháng 4 năm 2022 chị Hoàng Thị T, anh Dương Thế Đ và ông Đặng Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T, anh Dương Thế Đ, ông Đặng Văn D và chị Nguyễn Thị B.

[2] Xét nội dung kháng cáo nhận thấy:

[2.1] Năm 2019, vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có vay của chị Nguyễn Thị P số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*), để bảo đảm cho khoản tiền vay anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đã giao cho chị Nguyễn Thị P giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B. Do chưa có tiền trả cho chị Nguyễn Thị P nên chị Nguyễn Thị P, vợ chồng anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T và vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có thỏa thuận anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T sẽ trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) mà anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đã vay của chị Nguyễn Thị P và cho anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B vay số tiền 150.000.000đ; đồng thời chị Nguyễn Thị P giao lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 664760 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 12/9/2016 mang tên Phạm Ngọc T và Nguyễn Thị B cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T giữ. Chị Nguyễn Thị P đã nhận đủ số tiền 680.000.000đ (*sáu trăm tám mươi triệu đồng*) từ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T; anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B nhận trực tiếp tiền mặt từ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Sau đó vợ chồng anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B ký nhận Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền với anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T số tiền là 830.000.000đ. Tại giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020 thể hiện anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B vay của anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T số tiền 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*), và viết Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T, khi có tiền vào ngày 26/3/2020 thanh toán đủ số tiền trên cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T thì nhận lại quyền sử dụng đất, nếu không có khả năng trả nợ số tiền trên thì phải hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử

dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T theo yêu cầu của anh chị.

Do anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B chưa trả nợ nên anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết: buộc anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng chị số tiền gốc là 830.000.000đ (*tám trăm ba mươi triệu đồng*). Tiền lãi của số tiền gốc với mức lãi xuất 0,33%/tháng. Thời gian tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 27/3/2020 tạm tính đến hết ngày 22/9/2021 là $830.000.000đ \times 0,33\%/tháng \times 17 \text{ tháng}$ 26 ngày = 48.936.800đ (*bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng*).

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đều thừa nhận có vay của anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T số tiền 830.000.000đ trong đó có 680.000.000đ chuyển nợ của chị Nguyễn Thị P sang và nhận trực tiếp 150.000.000đ tiền mặt từ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T. Giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020 do anh Phạm Ngọc T trực tiếp viết, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và có đầy đủ chữ ký của anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B. Việc chuyển giao nghĩa vụ số tiền 680.000.000đ giữa anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B với anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T được thực hiện đồng thời giữa các bên gồm bên chuyển giao là anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B bên nhận chuyển giao là anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T và bên hưởng thụ là chị Nguyễn Thị P. Theo như thỏa thuận của các bên thì anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T đã giao đầy đủ số tiền 680.000.000đ cho chị Nguyễn Thị P và các bên đều xác nhận anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B không còn nợ chị Nguyễn Thị P số tiền 680.000.000đ mà số tiền này chuyển sang nợ anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T trong tổng số tiền 830.000.000đ.

Tại giấy cam kết, ủy quyền đất và vay tiền mặt ngày 26/02/2020 không thể hiện trong số tiền 680.000.000đ có bao nhiêu tiền lãi, tiền gốc; đồng thời sau khi thực hiện chuyển giao nghĩa vụ đối với số tiền 680.000.000đ anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B đều không có ý kiến gì. Việc chuyển giao nghĩa vụ giữa các bên đã được thực hiện xong theo như thỏa thuận. Anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B cho rằng chị Nguyễn Thị P và chị Hoàng Thị T đã thông đồng với nhau để nâng số tiền lên ép chị ký giấy nhận số tiền khi chị đã ủy quyền cho vợ chồng với anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T là không có căn cứ. Theo yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thế Đ, chị Hoàng Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tổng số tiền 830.000.000đ mà anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B thỏa thuận thống nhất vay nợ giữa các bên ngày 26/02/2020 là đúng quy định của pháp luật. Nếu anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B nhận thấy số tiền 680.000.000đ giữa anh chị và chị Nguyễn Thị P tính toán

chưa đúng và có đầy đủ căn cứ hợp pháp thì các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B phải thanh toán cho anh Dương Thế Đ và chị Hoàng Thị T tổng số tiền là 878.936.800đ (*tám trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*); trong đó 830.000.000đ tiền gốc và 48.936.800đ tiền lãi tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày 22/9/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị B; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Phạm Ngọc T và chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002510 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Tam Điệp;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Tam
Điệp;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

(đã ký)

Tạ Văn Vinh